

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO KẾT QUẢ THẨM TRA

THIẾT KẾ CƠ SỞ

Dự án: Đầu tư làng du lịch cộng đồng thôn Kon Vong Kia
Hạng mục đầu tư: Đường giao thông; Nhà rông văn hoá Bãi đỗ xe;
cây xanh cảnh quan và các hạng mục phụ trợ.
Địa điểm xây dựng: Xã Măng Đen, tỉnh Quảng Ngãi.

Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án và Dịch vụ công ích xã Măng Đen

Đơn vị thẩm tra: Công ty TNHH MTV ĐTXD hạ tầng đô thị Kon Tum

Măng Đen, tháng 04 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ THẨM TRA THIẾT KẾ CƠ SỞ

**Dự án: Đầu tư làng du lịch cộng đồng thôn Kon Vong Kia
Hạng mục đầu tư: Đường giao thông; Nhà nông văn hoá Bãi đỗ xe;
cây xanh cảnh quan và các hạng mục phụ trợ.
Địa điểm xây dựng: Xã Măng Đen, tỉnh Quảng Ngãi.**

Kính gửi: Ban quản lý dự án và Dịch vụ công ích xã Măng Đen

- Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025;
 - Luật Xây dựng số 50 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng;
 - Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
 - Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023; Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc hội; Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội.
 - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
 - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
 - Nghị định số 10/2021/NĐ - CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
 - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;
 - Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính Phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;
 - Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;
 - Nghị Quyết số 20/NQ-HĐND ngày 15/10/2025 của HĐND xã Măng Đen V/v điều chỉnh, bổ sung dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 xã Măng Đen;
 - Quyết định số 516/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của UBND xã Măng Đen V/v giao chi tiết Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026;
- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật công trình, các quy định kỹ thuật và các

văn bản hướng dẫn có liên quan đã và đang được áp dụng.

Hợp đồng kinh tế số: .../2026/HĐ-TV ngày .../.../2026 giữa Ban QLDA và Dịch vụ công ích xã Măng Đen và Công ty TNHH MTV ĐTXD hạ tầng đô thị Kon Tum về việc thẩm tra hồ sơ thiết kế cơ sở đầu tư xây dựng dự án: Đầu tư làng du lịch cộng đồng thôn Kon Vong Kia.

Sau khi xem xét hồ sơ, Công ty TNHH MTV ĐTXD hạ tầng đô thị Kon Tum báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH.

- 1. Tên công trình:** Đầu tư làng du lịch cộng đồng thôn Kon Vong Kia
- 2. Dự án nhóm:** Nhóm C.
- 3. Cấp quyết định chủ trương đầu tư:** UBND xã Măng Đen
- 4. Cấp quyết định đầu tư:** Chủ tịch UBND xã Măng Đen
- 5. Chủ đầu tư:** UBND xã Măng Đen.
- 6. Đơn vị thực hiện đầu tư:** Ban QLDA và Dịch vụ công ích xã Măng Đen
- 7. Địa điểm xây dựng dự án:** Xã Măng Đen, tỉnh Quảng Ngãi
- 8. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án:** 30.000 triệu đồng (*Bằng chữ: Ba mươi tỷ đồng chẵn*).
- 9. Nguồn vốn đầu tư:** Nguồn vốn ngân sách địa phương.
- 10. Thời gian thực hiện dự án:** 03 năm.
- 11. Tiến độ thực hiện:** Từ năm 2026.
- 12. Hình thức đầu tư của dự án:** Nâng cấp, mở rộng.
- 13. Nhà thầu khảo sát và thiết kế xây dựng:** Công ty TNHH ĐT&XD Phú Phong.
- 14. Giá trị dự toán đề nghị thẩm tra:** 30.000.000.000 đồng.

II. DANH MỤC HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THẨM TRA.

1. Văn bản pháp lý:

- Nghị Quyết số 20/NQ-HĐND ngày 15/10/2025 của HĐND xã Măng Đen V/v điều chỉnh, bổ sung dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 xã Măng Đen;

- Quyết định số .../QĐ-BQL ngày .../.../2026 của Ban quản lý dự án và dịch vụ công ích xã Măng Đen về việc phê duyệt nhiệm vụ thiết kế cơ sở xây dựng công trình: Đầu tư làng du lịch cộng đồng thôn Kon Vong Kia.

- Quyết định số .../QĐ-BQL ngày .../.../2026 của Ban quản lý dự án và dịch vụ công ích xã Măng Đen về việc phê duyệt nhiệm vụ khảo sát xây dựng công trình: Đầu tư làng du lịch cộng đồng thôn Kon Vong Kia.

2. Danh mục hồ sơ đề nghị thẩm tra.

- Thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi và tổng mức đầu tư dự án;
- Hồ sơ thiết kế cơ sở;

III. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG:

1. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:

TT	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn	Mã hiệu
I	Tiêu chuẩn áp dụng cho công tác Khảo sát	
1	Khảo sát cho xây dựng - Nguyên tắc cơ bản	TCVN 4419:1987
2	Quy chuẩn quốc gia về xây dựng lưới độ cao	QCVN 11:2008/BTNMT
3	Tiêu chuẩn kỹ thuật đo, xử lý số liệu GPS trong trắc địa công trình	TCVN 9401:2012
4	Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung	TCVN 9398:2012
5	Quy trình khảo sát đường ô tô	TCCS 31:2020/TCĐBVN
II	Tiêu chuẩn áp dụng cho thiết kế, thi công, nghiệm thu	
*	Công trình giao thông và hạ tầng kỹ thuật	
1	Quy định về phân cấp xây dựng công trình	TT 06/2021/TT-BXD
2	Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị	QCVN07:2023/BXD
3	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ	QCVN 41:2019/BGTVT
4	Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế	TCVN 4054:2005
5	Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế	TCVN 13592:2022
6	Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế	TCCS 38:2022/TCĐBVN
7	Gờ giảm tốc, gờ giảm tốc trên đường bộ - Yêu cầu thiết kế	TCCS 34: 2020/TCĐBVN
8	Son tín hiệu giao thông – Xóa vạch kẻ đường – Thi công và nghiệm thu	TCCS 30:2020/TCĐBVN
9	Cầu và cống – Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu	TCCS 05:2012/TCĐBVN
10	Thiết kế cầu đường bộ	TCVN 11823-1:2017 ÷ TCVN 11823-14:2017
11	Tường chắn 86-06X	86-06X
12	Cống tròn	78-02X
13	Cống tròn BTCT (chỉ sử dụng ống cống)	533-01-01, 533-01-02
14	Cống hộp lắp ghép BTCT	86-04X, 86-05X
15	Thoát nước mạng lưới bên ngoài và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN7957-2008
16	Tính toán đặt trung dòng chảy lũ	TCVN 9485:2013
17	Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 2737:2006
18	Kết cấu bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 5574:2012
19	Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 5575:2012
20	Thép cốt bê tông	TCVN 1651:2018
21	Thiết kế mạng lưới thoát nước bên ngoài công trình	TCVN 7957:2008
22	Hệ thống tài liệu thiết kế xây dựng – Cấp nước và thoát nước – Mạng lưới bên ngoài – Bản vẽ thi công	TCVN 3989:2012
22	Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 5573:2011
23	Công tác đất - thi công và nghiệm thu	TCVN 4447:2012
24	Công tác nền móng - thi công và nghiệm thu	TCVN 9361:2012
25	Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu.	TCVN 13567:2022
26	Thi công cầu đường bộ	TCVN 12885:2020
27	Ống BTCT thoát nước	TCVN 9113:2012
28	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối - Quy phạm thi công và nghiệm thu	TCVN 4453:1995
29	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép lắp ghép - Thi công và nghiệm thu	TCVN 9115:2012
30	Kết cấu BT&BTCT, hướng dẫn công tác bảo trì	TCVN 9343:2012
31	Son bảo vệ kết cấu thép - Quy trình thi công và nghiệm thu	TCVN 8790:2011
32	Màng phản quang dùng cho báo hiệu đường bộ	TCVN 7887:2008

TT	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn	Mã hiệu
*	Công trình điện	
1	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kỹ thuật điện	QCVN QTĐ 5,6,7:2009/BCT; QCVN QTĐ 8:2010/BCT
2	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện	TT 39/2020/TT-BCT
3	Hệ thống lắp đặt điện hạ áp	TCVN 7447-2011
4	Đèn chiếu sáng đường phố - Yêu cầu kỹ thuật chung	TCVN 5828:1994
5	Qui phạm nối đất và nối không các thiết bị điện	TCVN 4756: 1989
6	Cáp điện lực cách điện bằng điện môi rắn	TCVN 5935:1995; IEC:60502
7	Tiêu chuẩn kỹ thuật vật tư thiết bị điện phân phối trong Tổng công ty Điện lực Miền Trung	Quyết định 7109/QĐ-EVN CPC ngày 17/08/2021
8	Tiêu chuẩn chiếu sáng quốc tế	CIE 115:1995
9	Tiêu chuẩn IEC - đảm bảo an toàn về điện	
	Các quy trình kỹ thuật, văn bản hướng dẫn, chỉ dẫn kỹ thuật về công tác khảo sát, thiết kế, thi công và nghiệm thu hiện hành	

2. Quy mô xây dựng:

2.1. Nhóm dự án, Loại, cấp công trình

- Nhóm dự án: Dự án nhóm C.
- Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, cấp IV; công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp IV; Công trình công nghiệp, cấp IV và Công trình dân dụng, cấp III.

2.2. Quy mô xây dựng:

2.2.1. Đường giao thông:

- Tổng chiều dài xây dựng khoảng $L=2.132\text{m}$. Trong đó:
 - + Tuyến chính N1 chiều dài khoảng 1213m, bề rộng nền đường $B=7\text{m}$ và tuyến N5 chiều dài khoảng 404m, bề rộng nền đường $B=5,5\text{m}$; quy mô đường giao thông nông thôn cấp A (theo TCVN 10380:2014); vận tốc thiết kế $V_{tk}=20\text{Km/h}$.
 - + Các tuyến (N2, N3, N4, N6) có tổng chiều dài khoảng 515m, bề rộng nền đường $B=5\text{m}$; quy mô đường giao thông nông thôn cấp B (theo TCVN 10380:2014); vận tốc thiết kế $V_{tk}=15\text{Km/h}$.

2.2.2. Phần hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

- Khu tổ chức lễ hội, cây xanh cảnh quan, cấp nước sinh hoạt, hồ cảnh quan (diện tích ô đất khoảng 6.844m^2) và hệ thống điện chiếu sáng, hoàn trả đường dây bị ảnh hưởng.

2.2.3. Phần công trình dân dụng:

- Xây dựng nhà rông truyền thống diện tích khoảng 120m^2 ; nhà trưng bày sản phẩm diện tích khoảng 80m^2 ; điểm dừng, bãi đỗ xe khoảng 1000m^2 .

3. Giải pháp thiết kế:

3.1. Giải pháp về kiến trúc:

- Bố trí mặt bằng phù hợp với quy hoạch, với điều kiện địa hình khu vực và sự phân bố dân cư dọc tuyến; thuận lợi cho việc kết nối các đường giao và sự lưu thông của các phương tiện tham gia giao thông.

- Cao trình đường đỡ cơ bản bám theo đường hiện trạng, các điểm khống chế tại điểm đầu, điểm cuối, vị trí cầu,...

- Thiết kế các yếu tố tuyến (đường cong nằm, đứng; tầm nhìn,...) đều lớn hơn trị số giới hạn quy trình cho phép đồng thời phối hợp với chiều cao kiến trúc cầu nên tạo cảm giác an toàn, thuận lợi, liên tục.

- Tại các vị trí đắp cao, hai đầu cống đều được gia cố mái taluy bằng BT, BTCT hạn chế xói lở, tạo mỹ quan cho công trình.

3.2. Thiết kế bình diện:

Bình diện tuyến đường cơ bản bám theo quy hoạch, các đường hiện trạng, nhằm tận dụng tối đa công trình hiện hữu như nền, mặt đường, rãnh dọc, cống,... đồng thời hạn chế ảnh hưởng đến khu dân cư dọc 2 bên tuyến, hạn chế mở rộng tuyến vào các điểm taluy dương cao, taluy âm sâu và phù hợp với điều kiện thực tế tuyến đường.

Bán kính đường cong nằm được lựa chọn dựa trên tiêu chí: Chọn giá trị bán kính đường cong nằm bám sát địa hình, điều kiện thực tế của tuyến đường để hạn chế giải phóng mặt bằng, ảnh hưởng đến dân cư và đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật. Bán kính cong nằm tối thiểu thông thường $R=30m$ (có chêm chước một số vị trí cục bộ, khó khăn, $R_{min}=15m$).

3.3. Thiết kế trắc dọc:

- Trắc dọc tuyến cơ bản bám theo độ dốc dọc hiện trạng tuyến đường có nghiên cứu giải pháp hạ dốc dọc, nhằm tận dụng tối đa công trình hiện hữu như nền, mặt đường, rãnh dọc, cống,... đồng thời hạn chế ảnh hưởng đến dân cư, phá vỡ cảnh quan, hạn chế mở rộng tuyến vào các điểm taluy dương cao, taluy âm sâu và phù hợp với điều kiện thực tế tuyến đường, kết nối êm thuận các tuyến đường.

- Đường đỡ trên trắc dọc thiết kế hài hòa các yếu tố cong đứng với các yếu tố cong bằng; đảm bảo các yếu tố kỹ thuật theo quy trình quy phạm, êm thuận trong quá trình chạy xe và khối lượng thực hiện là ít nhất. Ngoài ra đảm bảo các yêu cầu đặc thù sau của tuyến đường:

- + Cos đường đỡ tại điểm đầu, điểm cuối.
- + Cos đường đỡ tại các nút giao và các đường dân sinh.
- + Cos đường đỡ tại vị trí cầu, công trình hiện hữu, khu dân cư.

3.4. Thiết kế mặt cắt ngang:

- Tuyến chính N1: Bề rộng nền đường: $B_{nền} = 7m$;
- Tuyến N5: Bề rộng nền đường: $B_{nền} = 5,5m$;
- Tuyến N2, N3, N4, N6: Bề rộng nền đường: $B_{nền} = 5m$;
- Mặt đường rộng 3,5m, kết cấu mặt đường bằng bê tông xi măng trên móng cấp phối đá dăm (có tận dụng mặt đường cũ làm lớp móng).
- Lề đường rộng 2,0-3,5m, kết cấu như mặt đường.

3.5. Thiết kế nền đường:

Khu vực tác dụng nền đường lấy đến 80cm tính từ đáy kết cấu áo đường. Việc thiết kế khu vực tác dụng nền đường thỏa mãn các yêu cầu sau:

- Đối với nền đường đào: 30cm lớp đất nền trên cùng tính từ đáy lớp kết cấu áo đường đạt độ chặt $K \geq 98$.

- Đối với nền đường đắp: 30cm lớp đất trên cùng tính từ đáy kết cấu áo đường đạt độ chặt $K \geq 98$, lớp đất đắp mới bên dưới đạt độ chặt $K \geq 95$.

- Trong phạm vi khu vực tác dụng, đất sau khi đầm nén phải có sức chịu tải đạt yêu cầu như sau: 30cm lớp đất nền trên cùng đạt $CBR > 8$; lớp đất bên dưới đạt $CBR > 5$.

- Đối với những đoạn nền đường thông thường: Trước khi đắp các lớp đất mới, xử lý nền đất tự nhiên bằng cách đào bỏ lớp đất không thích hợp với chiều dày phù hợp với kết quả khảo sát địa chất thay bằng lớp đất mới thích hợp, đoạn qua ruộng lúa đào thay cát. Với những nơi đắp có độ dốc tự nhiên $\geq 20\%$ thì đào cấp trước khi đắp.

- Độ dốc mái ta luy:

- + Thông thường: Nền đường đào ta luy $1/m = 1/1$; Nền đường đắp ta luy $1/m = 1/1,5$.

- + Đối với những đoạn có cấu tạo địa chất, thủy văn phức tạp hoặc những đoạn đào, đắp có chiều cao lớn, đoạn qua khu dân cư thì tùy điều kiện cụ thể có giải pháp thiết kế hệ số mái thích hợp.

3.6. Thiết kế kết cấu mặt đường:

- * Kết cấu áo đường được lựa chọn theo các yêu cầu chính sau:

- Phù hợp với qui mô xây dựng, lưu lượng xe và thành phần dòng xe, cấp hạng kỹ thuật, yêu cầu khai thác sử dụng của tuyến đường;

- Kết quả khảo sát địa chất nền đường;

- Nguồn cung cấp vật liệu của địa phương;

- Khả năng thi công và giá thành;

- Điều kiện địa hình, thời tiết, các tuyến đường khác trong khu vực,...

- * Dựa vào các chỉ tiêu trên, kiến nghị chọn kết cấu mặt đường như sau:

- Mặt đường BTXM, tải trọng thiết kế:

- + Tuyến chính và N5: Trục xe 6T (Kiểm toán đối với xe vượt tải có tải trọng trục 10T);

- + Các tuyến còn lại: Trục xe 2,5T (Kiểm toán đối với xe vượt tải có tải trọng trục 6T).

- Kết cấu mặt đường làm mới tuyến chính và N5 (giá trị trong ngoặc áp dụng cho đường nhánh còn lại):

- + Mặt đường bê tông xi măng M300 dày 20cm (18cm);

- + Móng cấp phối đá dăm loại I Dmax25 dày 16cm (14cm);

- Kết cấu mặt đường nâng cấp trên mặt đường hiện hữu tuyến chính và N5 (giá trị trong ngoặc áp dụng cho đường nhánh còn lại):

+ Mặt đường bê tông xi măng M300 dày 20cm (18cm);

+ Bù vênh BTXM M300 (chiều dày <8cm) hoặc cấp phối đá dăm loại I Dmax25 (chiều dày ≥8cm).

+ Mặt đường cũ (đoạn đường cũ bị hỏng nặng thì cào bóc làm móng mới).

- Độ dốc ngang mặt đường: $I_m = 2\%$;

3.7. Thiết kế công trình thoát nước:

3.7.1. Cống thoát nước ngang:

- Tận dụng các cống hiện hữu, nạo vét khơi thông, sửa chữa, nối cống đảm bảo phù hợp khổ nền đường.

- Bổ sung các vị trí thiết yếu khác bằng cống tròn, cống hộp, cống bản. Thân cống bằng BTCT M200, M250. Thượng, hạ lưu cống bằng bê tông đá M150; Móng, sân cống bằng bê tông M150. Xếp rọ đá chống xói.

3.7.2. Thoát nước dọc:

- Rãnh thiết kế mới dạng hình thang KT(40x120)cm, gia cố BTXM M200.

- Tại các vị trí giao với đường ngang, lối ra vào: Bố trí cống dọc dạng cống bản KT(60x60)cm -KT(80x60)cm: Móng và thân cống bằng BT M150, đà kiềng và tấm đan bằng BTCT M250.

- Một số đoạn nền đường bị khổng chế bởi công trình hiện hữu, qua khu dân cư: bố trí rãnh dạng hình chữ nhật, đáy đan, kết cấu bằng BTXM và BTCT.

3.8. Thiết kế tường chắn, gia cố mái taluy, bờ bo chắn nước, điểm dừng xe, điểm quay đầu xe, bãi đỗ xe, cây xanh cảnh quan:

- Đối với đoạn nền đắp cao, tại các vị trí cống, các đoạn dễ bị xói lở thì mái taluy được gia cố bằng BT M200, chân khay bằng BT M150.

- Bố trí tường chắn tại các vị trí taluy âm sâu, có nguy cơ sạt lở, vị trí cần hạn chế ảnh hưởng đến nhà dân. Tường chắn bằng BT M150, chiều cao TB 3m.

- Bờ bo chắn nước bằng BT M200 bố trí các đoạn cần chắn nước chảy xuống taluy âm, chảy vào các vị trí có nguy cơ sạt lở khác.

- Các vị trí quay đầu xe: Bố trí cuối tuyến nhánh N3 diện tích khoảng 314m²; kết cấu bằng BTXM như mặt đường tuyến. Các tuyến liên thông, có khả năng quay đầu xe: không bố trí.

- Bãi đỗ xe và điểm dừng xe bố trí dọc theo tuyến chính và N5, tổng diện tích khoảng 1095m²; kết cấu bằng BTXM như mặt đường tuyến.

- Cây xanh cảnh quan: Dọc hai bên tuyến chính và N5 trồng cây hoa Anh Đào, khoảng cách trung bình 10-12m/1 cây.

3.9. Thiết kế nút giao, đường giao dân sinh:

- Thiết kế nút giao dạng đơn giản cùng mức.
- Bán kính đường cong, yếu tố tầm nhìn, độ dốc dọc, ngang,... tại các nút giao được thiết kế theo quy định, vượt nổi đảm bảo êm thuận, đảm bảo an toàn giao thông.

- Kết cấu mặt đường trong phạm vi nút giao như kết cấu mặt đường chính.

3.10. An toàn giao thông:

- Tận dụng và thiết kế bổ sung.
- Tháo bỏ các biển báo, hạng mục đã bị gỉ sét nặng, hỏng.
- Thiết kế bổ sung hệ thống ATGT bao gồm: Biển báo, biển chỉ dẫn các loại; Cọc tiêu, tường hộ lan mềm; Gương cầu lồi, tiêu dẫn hướng; Vạch sơn các loại.
- Tuân thủ theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN41:2024/BGTVT, Công văn số 29/GTĐB về vạch sơn gờ giảm tốc, Văn bản số 4441/TCĐBVN-ATGT ngày 24/7/2017 về hướng dẫn tạm thời việc lắp đặt, sửa chữa hộ lan tôn sóng trên đường bộ.

3.11. Điện chiếu sáng:

- Bố trí dọc theo tuyến chính và tuyến N5.
- Làm mới hệ thống trụ đèn chiếu sáng bằng trụ BTLT 8,5m cần đèn treo trên trụ (Tận dụng lại cần đèn chiếu sáng 2,4m, bóng đèn 120W, dây cáp LV-ABC 4x35mm² và phụ kiện lắp đặt do Chủ đầu tư cung cấp), khoảng cách trụ 30-40m, hệ thống dây đi nổi treo trên trụ, tiếp địa liên hoàn đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật về chiếu sáng và phương án thiết kế tuyến đường, chiều dài tuyến khoảng 1,65km.

3.12. Di dời, hoàn trả lưới điện trung thế 22kV và sinh hoạt:

3.12.1. Phần tháo dỡ đường dây trung thế 22kV: Tháo dỡ, thu hồi các trụ đơn BTLT 12m và trụ đôi BTLT 12m. Tháo dỡ, thu hồi đường dây trung thế theo tuyến và đường dây chiếu sáng bị ảnh hưởng khi nâng cấp cải tạo tuyến đường, theo chiều dài tuyến khoảng 1,65km.

3.12.2. Phần tháo dỡ đường dây hạ thế 0,4kV: Tháo dỡ và di dời trụ đơn, trụ đôi BTLT. Tháo dỡ đường dây hạ thế hiện trạng bị ảnh hưởng khi nâng cấp cải tạo tuyến đường, theo chiều dài tuyến khoảng 1,65km.

3.12.3. Phần cải tạo, di dời đường dây trung thế 22kV:

- Làm mới các móng trụ đơn, móng trụ đôi và lắp mới trụ BTLT 12m đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật điện và phương án thiết kế tuyến đường, theo chiều dài tuyến khoảng 1,65km.

- Thay mới toàn bộ đường dây xà, các phụ kiện đi kèm, hệ thống tiếp địa lắp lại đảm bảo yêu cầu kỹ thuật về điện khi di dời các trụ điện bị ảnh hưởng về các trụ làm mới.

- Lắp đặt mới 01 máy biến thế 1pha -15kVA-12,7/0,23kV cung cấp cho hệ thống điện chiếu sáng.

3.12.4. Phần cải tạo, di dời đường dây hạ thế 0,4kV:

- Làm mới các móng trụ đơn, móng trụ đôi và lắp mới trụ BTLT 8,5m đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật điện và phương án thiết kế tuyến đường, theo chiều dài tuyến khoảng 1,65km.

- Tháo dỡ và di dời đường dây 0,4kV hiện trạng bị ảnh hưởng khi nâng cấp, cải tạo tuyến đường về cột điện hạ thế xây dựng mới. Thay mới toàn bộ đường dây xà, các phụ kiện đi kèm, hệ thống tiếp địa lắp lại tại các vị trí trụ điện làm mới.

3.13. Nhà rộng và các hạng mục phụ trợ:

- Tháo dỡ nhà sinh hoạt cộng đồng, trường mầm non phá dỡ.
- Diện tích xây dựng: 120 m².
- Móng bê tông lót móng đá (40x60)mm M100, kết cấu móng trụ cột bê tông cốt thép đá (10x20)mm M200, Cột BTCT D300÷450 mm đá (10x20)mm M200, Dầm bê tông cốt thép đá (10x20)mm M200, sơn giả gỗ.
- Nền xây bó vỉa bằng gạch (90x130x200)mm. Móng bê tông lót đá (40x60)mm M100, bê tông nền đá (10x20)mm M200.
- Đà thép hình I150 rải đều khoảng cách a=500mm, Kết cấu sàn gỗ dày 3cm. Hệ khung gỗ, trụ gỗ, vì kèo gỗ.
- Kết cấu sảnh dầm, sàn, bê tông cốt thép đá (10x20)mm M200, nền sảnh lát sàn nhựa ngoài trời giả gỗ, trụ sảnh trang trí bằng gỗ tròn.
- Cầu thang kết cấu bản thang, dầm thang bê tông cốt thép, bậc thang xây gạch (90x130x200)mm, mặt bậc lát sàn nhựa giả gỗ ngoài trời, lan can gỗ.
- Mái lợp tấm nhựa Bitum phủ đá, tấm cemboard dày 16mm, Xà gỗ gỗ (50x50)mm khoảng cách a=500mm. Vì kèo gỗ.
- Tường làm vách gỗ dày 2cm, giằng vách gỗ kích thước (40x80)mm.
- Hệ thống điện hoàn thiện.

3.13.1 Nhà trưng bày cải tạo từ nhà sinh hoạt cộng đồng hiện trạng.

- Di chuyển vị trí nhà sinh hoạt cộng đồng sang vị trí mới chuyển đổi công năng thành nhà trưng bày.
- Nền xây bó vỉa bằng gạch BT (90x130x200)mm. Móng bê tông lót đá (40x60)mm M100, Bê tông nền đá (10x20)mm M200.
- Chân đỡ cột gỗ bằng đá.
- Làm mới hệ thống điện hoàn thiện.

3.13.2 Nhà vệ sinh:

- Diện tích 7,1x7,2=51,12m².
- Móng tường xây đá chẻ (15x20x25)mm vữa XM mác 75, móng trụ bê tông cốt thép đá 1x2 mác bê tông 200, dầm, giằng, lanh tô bê tông cốt thép mác bê tông M200.
- Nền lát gạch chống trượt (300x300)mm, tường ốp gạch (300x600)mm cao 1,8m.
- Cửa đi nhôm xinfu.

- Tường nhà xây gạch bê tông (90x130x200)mm, trát vữa xi măng mác 75, sơn tường không bả 01 nước lót, 02 nước phủ màu vàng đậm.

- Mái được lợp tấm nhựa bitum phủ đá, tấm cemboard dày 16mm, xà gồ thép hộp 100x50x1,4mm khoảng cách a=1000mm.

- Trần tôn dày 0,25mm. Đà trần thép hộp (40x80x1,2)mm.

- Vách ngăn MDF ngăn phòng vệ sinh.

- Hệ thống điện, nước hoàn thiện.

3.13.3 Cổng.

- Bê tông lót móng đá (40x60)mm M100, dày 100mm, móng BT đá (10x20)mm M200.

- Tường rào, trụ rào gạch BT 6 lỗ KT(200x130x90)mm vữa xi măng M75.

- Trát tường, trụ dày 20mm vữa xi măng M75.

- Toàn bộ tường, trụ sơn 01 lớp lót, 02 lớp phủ.

- Cửa mở thép hình (L50x50x5)mm (chi tiết xem bản vẽ cấu tạo), Sơn 01 lớp lót 02 lớp phủ.

3.13.4 Sân bê tông, bó vỉa.

- Sân Bê tông lót móng đá (40x60)mm M100, dày 100mm, móng nền đá (10x20) M200, kẻ ron kích thước (2x2)m.

- Bó vỉa xây gạch Bê tông 6 lỗ kích thước (200x130x90)mm vữa xi măng M75, Trát dày 20mm vữa xi măng M75, Toàn bộ sơn 01 lớp lót, 02 lớp phủ.

3.13.5 Giếng khoan và chân bồn nước.

- Giếng khoan: Bố trí 01 giếng khoan ở vị trí có địa hình thuận lợi cho công tác quản lý vận hành, chiều sâu khoan xác định theo các giếng khoan tương tự trên địa bàn (H=120m). Sử dụng máy bơm nước hỏa tiễn đặt chìm trong hố khoan để bơm hút nước.

+ Đường kính lỗ khoan: Lỗ khoan có đường kính D=130÷220mm tùy thuộc vào độ sâu và tầng địa chất.

+ Phần bệ giếng khoan: Để bảo vệ lỗ khoan cùng với hệ thống đường dây điện, đường ống của giếng khoan. Bệ giếng có kết cấu bằng bê tông. Nắp bệ giếng được thiết kế bằng thép tấm dày 3mm hàn định vị trên khung thép hình. Nắp bệ giếng có bản lề và khóa đóng mở.

- Máy bơm nước và hệ thống đường dây điện, đường ống:

+ Chọn máy bơm nước: Chọn loại máy bơm hỏa tiễn có lưu lượng bơm 1,2-6m³/h. Máy bơm được đặt ở độ sâu 114m. Các thông số kỹ thuật của máy bơm đảm bảo các yêu cầu sau:

Điện áp: 1P/220V-50HZ.

Công suất: 3HP.

Cột áp: 49 -144m.

+ Đường dây điện: Đường dây điện đấu nối với tuyến đường dây đã có trong nhà rộng. Ngoài ra còn bố trí cáp điện và tủ điện điều khiển máy bơm.

+ Đường ống xả: Là đường ống PVC D=50mm áp lực 16bar, trong bộ giếng bố trí van 1 chiều D50 và mỗi nối mềm D50. Từ bộ giếng dẫn đường ống ra dài khoảng 2m để đầu nối với đường ống đáy.

- Đường ống đẩy: Sử dụng ống HDPE DN50 để dẫn nước từ cửa ra ống bơm lên bồn, ống được chôn ngầm trong đất.

3.13.6 Chân bồn nước

- Làm mới chân bồn nước, khung giàn thép hình V50x50x5 liên kết hàn, móng khung bằng bê tông đá (10x20) M200, lấp đặt bồn nước 1,5m³.

3.14. Xây dựng sân lễ hội:

3.14.1 Sân lễ hội 1:

- Diện tích ô đất: 1.257m²

- Sân bê tông cấu tạo bê tông lót móng đá (40x60)mm M100, bê tông nền đá (10x20) M200, kẻ ron kích thước (2x2)m.

- Trồng hoa anh đào Sakura xung quanh tạo cảnh quan.

3.14.2 Sân lễ hội 2:

- Diện tích ô đất: 1.710m²

- Sân bê tông đậu xe, cấu tạo bê tông lót móng đá (40x60)mm M100, bê tông nền đá (10x20) M200, kẻ ron kích thước (2x2)m.

- Đường nội bộ lát đá chẻ (150x200x250)mm Vxm M75, bê tông lót móng đá (40x60)mm M100.

- Trồng hoa anh đào Sakura xung quanh tạo cảnh quan.

3.15. Hồ cảnh quan và các hạng mục phụ trợ:

- Diện tích khoảng: 6.844m²

- Đường nội bộ quanh hồ và hệ thống cây xanh, cảnh quang quanh hồ.

4. Cơ sở xác định dự toán xây dựng

Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, ngày 18/6/2014 của Quốc hội; Và luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi bổ sung một số điều của luật xây dựng;

Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc, bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng;

Nghị định 174/2025/NĐ-CP quy định hướng dẫn chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết 204/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội;

Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

Thông tư số 09/2024/TT-BXD ngày 30/8/2024 của Bộ Xây dựng Sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng;

Thông tư số 08/2025/TT-BXD ngày 30/5/2025 của Bộ Xây dựng Sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng;

Thông tư số 27/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng;

Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án xây dựng;

Văn bản số 5787/TCĐBVN-QLBTĐB ngày 22/9/2022 của Tổng cục đường bộ Việt Nam Về việc công bố xếp loại đường để tính cước vận tải đường bộ do Trung ương quản lý năm 2022;

Nghị quyết số 46/2023/NQ-HĐND ngày 1/11/2023 Quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Quyết định số 63/2023/QĐ-UBND ngày 20/11/2023 của UBND tỉnh Kon Tum về việc ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý hóa giống nhau năm 2024 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Kon Tum về việc xếp loại đường để xác định cước vận tải đường bộ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Hướng dẫn số 1717/SXD-QLXD ngày 12/10/2021 của Sở xây dựng tỉnh Kon Tum về việc hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình theo nghị định 10/2021/NĐ-CP;

Văn bản số 797/SXD-QLXD ngày 31/12/2025 của Sở xây dựng tỉnh Quảng Ngãi về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng, giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng tỉnh Quảng Ngãi;

Công bố số 456/TB-SXD ngày 30/12/2025 của Sở Xây dựng tỉnh Quảng Ngãi V/v công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình quý IV năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Công bố số 556/SXD-CBGVL ngày 09/12/2025 của Sở Xây dựng tỉnh Gia Lai về công bố giá vật liệu xây dựng tháng 9 và quý III năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Một số giá vật liệu lấy theo Quyết định số 1390/QĐ-UBND ngày 30/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc công bố Bộ Đơn giá xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Quyết định số 1279/QĐ-BCT ngày 09/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Công thương về việc quy định giá bán điện;

Thông cáo báo chí 13/2026/PLX-TCBC ngày 11/03/2026 của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam (Petrolimex);

IV. NHẬN XÉT VỀ CHẤT LƯỢNG HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THẨM TRA.

Sau khi nhận được hồ sơ của Ban quản lý dự án và dịch vụ công ích xã Măng Đen, qua xem xét Công ty TNHH MTV ĐTXD hạ tầng đô thị Kon Tum báo cáo về chất lượng hồ sơ đề nghị thẩm tra như sau:

1. Quy cách và danh mục hồ sơ thực hiện thẩm tra: Đảm bảo quy cách và hợp lệ. Thành phần hồ sơ cơ bản đúng theo quy định.

2. Nhận xét, đánh giá về các nội dung thiết kế xây dựng: Hồ sơ thiết kế cơ bản tuân thủ theo quy định tại Điều 80 Luật Xây dựng 2014.

3. Nhận xét, đánh giá về dự toán xây dựng:

a) Phương pháp lập dự toán được lựa chọn so với quy định hiện hành: Cơ bản phù hợp với các quy định hiện hành.

b) Các cơ sở để xác định các khoản mục chi phí: Tương đối đầy đủ.

- Dự toán được lập theo Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

- Định mức xây dựng theo Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về việc ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 09/2024/TT-BXD ngày 30/8/2024 của Bộ Xây dựng Sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng;

- Định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng theo Phụ lục 8 Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng; Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán và chi phí kiểm toán theo Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

- Các chi phí khác theo quy định hiện hành.

c) Về đơn giá áp dụng cho công trình: Cơ bản phù hợp.

- Định mức các hao phí xác định giá ca máy và thiết bị thi công theo Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ xây dựng về việc hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

- Giá nguyên vật liệu: Giá vật liệu theo Công bố số 456/TB-SXD ngày 30/12/2025 của Sở Xây dựng tỉnh Quảng Ngãi V/v công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình quý IV năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Giá xăng dầu theo Thông cáo báo chí 13/2026/PLX-TCBC ngày 11/03/2026 của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam (Petrolimex); Đối với những loại vật tư, vật liệu đặc chủng không có trong công bố giá lấy giá theo Bộ đơn giá xây dựng công trình ban hành kèm theo Quyết định số 1390/QĐ-UBND ngày 30/12/2015 của UBND tỉnh Kon Tum cũng như lấy giá theo Báo giá của nhà cung ứng;

- Đơn giá nhân công xây dựng theo Văn bản số 797/SXD-QLXD ngày 31/12/2025 của Sở xây dựng tỉnh Quảng Ngãi về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng, giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng tỉnh Quảng Ngãi.

d) Chi phí xây dựng hợp lý, phù hợp với điều kiện xây dựng công trình.

4. Kết luận của Tư vấn thẩm tra về việc đủ điều kiện hay chưa đủ điều kiện để thực hiện thẩm tra: Hồ sơ đủ điều kiện để thực hiện thẩm tra.

V. KẾT QUẢ THẨM TRA THIẾT KẾ XÂY DỰNG:

1. Sự phù hợp của thiết kế xây dựng bước sau so với thiết kế xây dựng bước trước: Thiết kế bản vẽ thi công cơ bản phù hợp nhiệm vụ thiết kế đã được phê duyệt.

2. Sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật; quy định của pháp luật về sử dụng vật liệu cho công trình:

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành.

- Về sử dụng vật liệu cho xây dựng công trình: Sử dụng loại vật liệu phù hợp với các kết cấu của công trình sẵn có tại địa phương cũng như khu vực lân cận. Không sử dụng các loại vật liệu gây ảnh hưởng đến sức khỏe, môi trường.

3. Sự phù hợp các giải pháp thiết kế xây dựng với công năng sử dụng của công trình, mức độ an toàn công trình và bảo đảm an toàn của công trình lân cận:

- Sự phù hợp của từng giải pháp thiết kế với công năng sử dụng công trình: Phù hợp.

- Khả năng chịu lực của kết cấu công trình, giải pháp thiết kế đảm bảo an toàn cho công trình lân cận: Đảm bảo.

4. Sự hợp lý của việc lựa chọn dây chuyền và thiết bị công nghệ: Công trình thiết kế không có yêu cầu về công nghệ.

5. Sự tuân thủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy nổ: Tuân thủ.

6. Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ: Đề nghị đơn vị tư vấn hoàn thiện các nội dung sau:

- Cập nhật lại sơ đồ vận chuyển vật liệu, cự ly vận chuyển đúng theo Văn

bản số 5787/TCĐBVN-QLBTĐB ngày 22/9/2022 của Tổng cục đường bộ Việt Nam và Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

Kính đề nghị Ban quản lý dự án và dịch vụ công ích xã Măng Đen xem xét trong quá trình thẩm định nhằm đảm bảo các yêu cầu kinh tế - kỹ thuật của dự án.

VI. KẾT QUẢ THẨM TRA DỰ TOÁN.

1. Nguyên tắc thẩm tra

a) Về sự phù hợp giữa khối lượng chủ yếu của dự toán với khối lượng thiết kế: Cơ bản phù hợp.

b) Về tính đúng đắn, hợp lý của việc áp dụng, vận dụng đơn giá xây dựng công trình, định mức chi phí tỷ lệ, dự toán chi phí tư vấn và dự toán các khoản mục chi phí khác trong dự toán xây dựng: Tương đối hợp lý.

c) Về giá trị dự toán công trình: Phù hợp giá trị dự toán trong tổng mức đầu tư dự án đã được phê duyệt.

2. Giá trị dự toán xây dựng sau thẩm tra

Dựa vào các căn cứ và nguyên tắc nêu trên thì giá trị dự toán xây dựng sau thẩm tra như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Hạng mục chi phí	Giá trị dự toán đề nghị thẩm tra	Giá trị dự toán thẩm tra	Chênh lệch Tăng (+) Giảm (-)
1	Chi phí bồi thường, hỗ trợ GPMB, tái định cư	500.000.000	500.000.000	0
2	Chi phí xây dựng	25.915.917.000	25.632.724.000	-283.193.000
3	Chi phí quản lý dự án	656.501.000	650.887.000	-5.614.000
4	Chi phí TV đầu tư XD	2.051.478.000	2.007.794.000	-43.684.000
5	Chi phí khác	505.720.000	486.268.000	-19.452.000
6	Chi phí dự phòng	370.384.000	722.327.000	+351.943.000
	Tổng cộng	30.000.000.000	30.000.000.000	

(Kèm theo hồ sơ dự toán xây dựng sau thẩm tra)

*** Nguyên nhân tăng, giảm:**

- Khối lượng: trong quá trình thẩm tra, đơn vị tư vấn đã phối hợp chỉnh sửa.
- Cập nhật giá vật liệu, nhiên liệu thời điểm thẩm tra.
- Điều chỉnh giá cước vận chuyển vật liệu.

VII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.

Hồ sơ thiết kế cơ sở và tổng mức đầu tư dự án Đầu tư làng du lịch cộng đồng thôn Kon Vong Kia đáp ứng yêu cầu về quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật, đơn giá, định mức theo các quy định hiện hành, đủ điều kiện để triển khai các bước tiếp theo.

Công ty TNHH MTV ĐTXD hạ tầng đô thị Kon Tum báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định./.

**Thẩm tra thiết kế công trình giao thông
và hạ tầng kỹ thuật**



Dương Thanh Tiền

(Chứng chỉ hành nghề số HTV-00028160)

Thẩm tra dự toán



Trương Đức Thiệu

(Chứng chỉ hành nghề số KOT-00030401)

Trần Đình Chấm



(Chứng chỉ hành nghề số KOT-00185713)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tư vấn thiết kế;
- Lưu VT.



ĐƠN VỊ THẨM TRA

GIÁM ĐỐC
Trương Đức Thiệu